TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2023
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài S
Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc: "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triệu Thị C, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: Ông Hoàng Trọng Hồng - Luật sư thuộc văn phòng luật sư Hồng Đức, đoàn luật sư tỉnh Yên Bái - luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý - trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Kim S, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn bà Triệu Thị C trình bày:

Bà và ông S được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào tháng 02 năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới hỏi bà và ông S sinh sống cùng nhau tại thôn M, xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, ông S thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, về nhà đánh chửi vợ con. Gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, ông S không thay đổi tính

nết. Từ tháng 02/2019 bà đã đi làm ăn xa thi thoảng mới về thăm nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đặng Kim S.

Về con chung: Bà Triệu Thị C và ông Đặng Kim S có 02 con chung là Đặng Thị Dẫn sinh năm 1996 và Đặng Tòn Kiều sinh năm 2002. Các con đã thành niên, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông S tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bị đơn ông Đặng Kim S trình bày:

Ông và bà Triệu Thị C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống bà C thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không chăm lo gia đình chồng con. Ông và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn và đi tìm về nhưng bà C không thay đổi. Từ năm 2019 đến nay bà C bỏ nhà đi, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay bà C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung là Đặng Thị D sinh năm 1996 và Đặng Tòn K sinh năm 2002. Các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương, thể hiện: Ông Đặng Kim S và bà Triệu Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái từ năm 1993 cho đến nay. Bà Triệu Thị C và ông Đặng Kim S không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa bà Triệu Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Triệu Thị C và ông Đặng Kim S; Về con chung: Các con của bà C, ông S đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, Về án phí: Bà Triệu Thị C là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nên đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Đề

nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Triệu Thị C và ông Đặng Kim S; Về con chung: Các con của bà C, ông S đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra vấn đề giải quyết; Về án phí: Bà Triệu Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Triệu Thị C có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" (không công nhận vợ chồng) với ông Đặng Kim S cư trú tại: Thôn M, xã C, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đặng Kim S có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đặng Kim S. .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị C và ông Đặng Kim S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi bà C và ông S sinh sống xác nhận ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Bà C, ông S chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đặng Kim S của bà Triệu Thị C là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, xử không công nhận bà Triệu Thị C và ông Đặng Kim S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung là Đặng Thị D sinh năm 1996 và Đặng Tòn K sinh năm 2002. Các con đã thành niên, bà C, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Triệu Thị C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Triệu Thị C là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn bà Triệu Thị C đề nghị xem xét miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Triệu Thị C.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Triệu Thị C và ông Đặng Kim S là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Triệu Thị C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Triệu Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đặng Kim S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Mai Thị Thu Hương